

TỔNG HỢP 300 CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ATLAT ĐỊA LÍ VIỆT NAM TRỌNG TÂM NHẤT

I. Atlas Địa lí trang 4 – 5.

Câu 1. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết điểm cực Bắc của nước ta thuộc tỉnh nào?

- A. Điện Biên. B. Hà Giang. C. Cao Bằng. D. Lào Cai

Câu 2. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết nước ta tiếp giáp với những quốc gia nào trên đất liền?

- A. Trung Quốc, Lào, Campuchia. B. Trung Quốc, Lào.
C. Trung Quốc, Campuchia, Mianma. D. Lào, Campuchia, Thái Lan.

Câu 3. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết đường biên giới nước ta với nước nào dài nhất?

- A. Trung Quốc. B. Lào.
C. Campuchia. D. Câu A và C đúng.

Câu 4. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết biển Đông tiếp giáp với bao nhiêu quốc gia?

- A. Sáu. B. Bảy. C. Tám. D. Chín.

Câu 5. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết tỉnh thành nào có diện tích nhỏ nhất nước ta?

- A. Ninh Bình. B. Bắc Ninh. C. Thái Bình. D. Hà Nam

Câu 6. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết ranh giới tự nhiên của hai miền Nam-Bắc của nước ta là

- A. dãy Hoàng Sơn. B. dãy Trường Sơn.
C. dãy Bạch Mã. D. dãy Ngọc Linh

Câu 7. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh, thành phố nào?

- A. Tỉnh Khánh Hòa. B. Thành phố Đà Nẵng
C. Thành phố Nha Trang. D. Thành phố Bà Rịa-Vũng Tàu

Câu 8. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết vùng ven biển duyên hải miền Trung giới hạn từ.....đến.....

- A. Thanh Hóa/ Bình Thuận. B. Nghệ An/ Bà Rịa-Vũng Tàu
C. Thanh Hóa/ Bà Rịa-Vũng Tàu. D. Nghệ An/ Bình Thuận

Câu 9. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết tỉnh, thành phố nào sau đây **không** giáp với biển Đông?

- A. Hải Dương. B. Quảng Ngãi. C. Phú Yên. D. Hà Nam

Câu 10. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết chiều rộng của tỉnh, thành phố nào sau đây chưa đầy 50 km?

- A. Hà Tĩnh. B. Quảng Bình. C. Quảng Trị. D. Quảng Ngãi

Câu 11. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết theo thứ tự các tỉnh ven biển từ Bắc vào Nam là

- A. Quảng Trị, Thừa thiên - Huế, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Quảng Nam
B. Quảng Trị, Thừa thiên - Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi
C. Quảng Trị, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Hà Tĩnh
D. Quảng Nam Bình Định, Quảng Ngãi, Phú Yên, Khánh Hòa

Câu 12. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết nước ta có bao nhiêu tỉnh, thành phố giáp biển Đông?

- A. 26. B. 27. C. 28. D. 29

Câu 13. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết cảng biển nào sau đây lớn nhất đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Cảng biển Cần Thơ. B. Cảng biển Cà Mau.
C. Cảng biển Kiên Giang. D. Cảng biển Trà Vinh

Câu 14. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết cảng nước sâu Dung Quất thuộc tỉnh, thành phố nào?

- A. Quảng Nam. B. Quảng Ngãi. C. Quảng Trị. D. Quảng Bình.

Câu 15. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết biển Đông có diện tích gấp mấy lần diện tích đất liền?

- A. Hai lần. B. Ba lần. C. Bốn lần. D. Năm lần

Câu 16. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết độ sâu trung bình của nước biển Đông là (m)

- A. 1100 B. 1500. C. 1700. D. 2100.

Câu 17. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết thành phố trực thuộc Trung ương nào sau đây **không** giáp biển Đông?

- A. Hải Phòng. B. Đà Nẵng. C. TP. Hồ Chí Minh. D. Cần Thơ.

Câu 18. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết vùng nào sau đây có nhiều điều kiện để nuôi trồng và đánh bắt thủy sản?

- A. Đồng bằng sông Cửu Long. B. Đồng bằng sông Hồng.
C. Duyên hải Nam Trung Bộ. D. Đông Nam Bộ.

Câu 19. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết điểm cực Tây nước ta thuộc tỉnh nào?

- A. Sơn La. B. Điện Biên. C. Lai Châu D. Lào Cai

Câu 20. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết nước ta có bao nhiêu tỉnh, thành phố có đường biên giới chung với Lào?

- A. 10. B. 11. C. 12. D. 13.

Câu 21. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết tỉnh, thành phố nào sau đây **không có** đường biên giới chung với Lào?

- A. Điện Biên. B. Sơn La C. Kon Tum. D. Gia Lai.

Câu 22. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết biển Đông nằm ở đâu?

- A. Phía đông nam Việt Nam và phía tây Philippines.
B. Phía đông, tây nam, đông nam Việt Nam và phía tây philippines.
C. Phía đông nam Trung Quốc và phía tây philippines.
D. Phía bắc Ấnô-nê-xia và phía đông nam philippines.

Câu 23. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết tỉnh, thành phố nào của nước ta là “Ngã ba Đông Dương”?

- A. Đà Nẵng. B. Kon Tum. C. Gia Lai. D. Đắk Lắk.

Câu 24. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết số tỉnh, thành phố có chung đường biên giới với Campuchia là

- A. 10. B. 11. C. 12. D. 13.

Câu 25. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết số nước và lãnh thổ có biên giới với vùng biển Đông là

- A. 8. B. 9. C. 10. D. 12.

Câu 26. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết điểm cực nam của nước ta nằm ở

- A. mũi Đại Lãnh. B. mũi Ngọc. C. mũi Cà Mau. D. mũi Kê Gà.

Câu 27. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết quần đảo Côn Sơn thuộc tỉnh nào?

- A. Sóc Trăng. B. Bà Rịa – Vũng Tàu. C. Bạc Liêu. D. Cà Mau.

Câu 28. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết quần đảo Trường Sa thuộc tỉnh nào?

- A. Khánh Hòa. B. Ninh Thuận.
C. Bình Thuận. D. Bà Rịa – Vũng Tàu.

Câu 29. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết đảo nào sau đây thuộc tỉnh Kiên Giang?

- A. Lý Sơn. B. Phú Quý. C. Phú Quốc. D. Côn Cỏ.

Câu 30. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết tỉnh nào có chung biên giới với Trung Quốc và Lào?

- A. Lai Châu. B. Điện Biên. C. Sơn La. D. Lào Cai.

II. Atlas Địa lí trang 9 (khí hậu)

Câu 1. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết vùng khí hậu nào sau đây chịu ảnh hưởng tần suất bão cao nhất nước ta?

- A. Bắc Trung Bộ. B. Nam Trung Bộ.
C. Nam Bộ. D. Đông Bắc Bộ.

Câu 2. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết gió mùa mùa đông thổi vào nước ta theo hướng nào?

- A. Đông Bắc. B. Tây Bắc. C. Tây Nam. D. Đông Nam.

Câu 3. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết gió mùa mùa hạ thổi vào nước ta theo hướng nào?

- A. Tây Nam. B. Tây Bắc. C. Đông Nam. D. Đông Bắc.

Câu 4. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết vùng khí hậu nào chịu ảnh hưởng nhiều nhất của gió Tây khô nóng?

- A. Bắc Trung Bộ. B. Nam Trung Bộ. C. Nam Bộ. D. Tây Bắc Bộ.

Câu 5. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết biểu đồ khí hậu nào dưới đây có nhiệt độ trung bình các tháng luôn dưới 20°C?

- A. Biểu đồ khí hậu Lạng Sơn.
B. Biểu đồ khí hậu Sa Pa.
C. Biểu đồ khí hậu Điện Biên Phủ.
D. Biểu đồ khí hậu Hà Nội.

Câu 6. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết cặp biểu đồ khí hậu nào dưới đây thể hiện rõ sự đối lập nhau về mùa mưa – mùa khô?

- A. Biểu đồ khí hậu Đà Lạt với biểu đồ khí hậu TP. Hồ Chí Minh.
B. Biểu đồ khí hậu Đồng Hới với biểu đồ khí hậu Đà Nẵng.
C. Biểu đồ khí hậu Hà Nội với biểu đồ khí hậu TP. Hồ Chí Minh.
D. Biểu đồ khí hậu Đà Lạt với biểu đồ khí hậu Nha Trang.

Câu 7. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, thời kì có bão đổ bộ trực tiếp từ biển Đông vào vùng khí hậu Bắc Trung Bộ là

- A. tháng XI. B. tháng X. C. tháng IX. D. tháng VIII.

Câu 8. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết vùng khí hậu nào dưới đây nằm trong miền khí hậu phía Bắc?

- A. Vùng khí hậu Tây Nguyên. B. Vùng khí hậu Bắc Trung Bộ.
C. Vùng khí hậu Nam Bộ. D. Vùng khí hậu Nam Trung Bộ.

Câu 9. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết nhiệt độ trung bình năm của TP. Hồ Chí Minh ở mức là bao nhiêu?

- A. Dưới 18°C. B. Trên 20°C. C. Trên 24°C. D. Từ 20°C đến 24°C.

Câu 10. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết Sa Pa thuộc vùng khí hậu nào dưới đây?

- A. Vùng khí hậu Nam Trung Bộ. B. Vùng khí hậu Bắc Trung Bộ.
C. Vùng khí hậu Đông Bắc Bộ. D. Vùng khí hậu Tây Bắc Bộ.

Câu 11. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết biểu đồ khí hậu nào dưới đây có biên độ nhiệt trong năm cao nhất?

- A. Biểu đồ khí hậu Nha Trang. B. Biểu đồ khí hậu Hà Nội.
C. Biểu đồ khí hậu Cà Mau. D. Biểu đồ khí hậu TP. Hồ Chí Minh.

Câu 12. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết tổng lượng mưa của nước ta thấp nhất vào thời gian nào sau đây?

- A. Từ tháng XI đến tháng IV. B. Từ tháng IX đến tháng XII.
C. Từ tháng I đến tháng IV. D. Từ tháng V đến tháng X.

Câu 13. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết biểu đồ khí hậu nào dưới đây có nhiệt độ trung bình các tháng luôn trên 25°C?

- A. Biểu đồ khí hậu Đà Nẵng.
B. Biểu đồ khí hậu TP. Hồ Chí Minh.
C. Biểu đồ khí hậu Sa Pa.
D. Biểu đồ khí hậu Hà Nội.

Câu 14. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, thời kì tần suất các cơn bão di chuyển từ Biển Đông vào nước ta nhiều nhất là

- A. tháng IX. B. tháng X. C. tháng VIII. D. tháng XI.

Câu 15. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết nhận xét nào dưới đây **không đúng** về sự phân hóa chế độ nhiệt ở nước ta?

- A. Nhiệt độ trung bình năm có sự phân hóa theo không gian từ Bắc vào Nam.
B. Nhiệt độ trung bình năm có sự phân hóa theo không gian và theo thời gian.
C. Nhiệt độ trung bình năm có sự phân hóa theo thời gian.
D. Nhiệt độ trung bình năm không có sự phân hóa theo thời gian.

Câu 16. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, nhận xét nào dưới đây **không đúng** về sự ảnh hưởng của bão đến nước ta?

- A. Bão ảnh hưởng chủ yếu ở khu vực Bắc Trung Bộ.
B. Mùa bão chậm dần từ Bắc vào Nam.
C. Tần suất ảnh hưởng của bão chủ yếu từ tháng VIII đến tháng X.
D. Đầu mùa bão chủ yếu ảnh hưởng trực tiếp vào miền khí hậu phía Bắc.

Câu 17. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết vùng khí hậu nào dưới đây **không** có gió Tây khô nóng?

- A. Vùng khí hậu Đông Bắc Bộ.
- B. Vùng khí hậu Nam Trung Bộ.
- C. Vùng khí hậu Bắc Trung Bộ.
- D. Vùng khí hậu Tây Bắc Bộ.

Câu 18. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết biểu đồ khí hậu nào dưới đây có lượng mưa lớn tập trung từ tháng IX đến tháng XII?

- A. Biểu đồ khí hậu Nha Trang.
- B. Biểu đồ khí hậu Cà Mau.
- C. Biểu đồ khí hậu Đà Lạt.
- D. Biểu đồ khí hậu Lạng Sơn.

Câu 19. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, thời kì tàn suất các cơn bão di chuyển từ Biển Đông vào miền khí hậu phía Bắc ít nhất là

- A. tháng XI và tháng XII.
- B. tháng VIII và tháng IX.
- C. tháng VI và tháng VII.
- D. tháng IX và tháng X.

Câu 20. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết nhận xét nào dưới đây **không đúng** về chế độ nhiệt ở nước ta?

- A. Nhiệt độ trung bình năm tăng dần từ Bắc vào Nam.
- B. Nhiệt độ trung bình năm giảm dần từ Bắc vào Nam.
- C. Nhiệt độ trung bình năm trên 20°C (trừ các vùng núi).
- D. Nhiệt độ trung bình năm có sự phân hóa theo không gian.

III. Atlas Địa lí trang 10 (Sông Ngòi)

Câu 1. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết sông Krông Pokô thuộc lưu vực sông nào sau đây?

- A. Lưu vực sông Thu Bồn.
- B. Lưu vực sông Đồng Nai.
- C. Lưu vực sông Ba (Đà Rằng).
- D. Lưu vực sông Mê Công.

Câu 2. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết sông Tiền thuộc lưu vực sông nào sau đây?

- A. Lưu vực sông Mã.
- B. Lưu vực sông Đồng Nai.
- C. Lưu vực sông Cả.
- D. Lưu vực sông Mê Công.

Câu 3. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết sông Sài Gòn thuộc lưu vực sông nào sau đây?

- A. Lưu vực sông Thu Bồn.
- B. Lưu vực sông Đồng Nai.
- C. Lưu vực sông Mê Công.
- D. Lưu vực sông Ba (Đà Rằng).

Câu 4. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết sông nào sau đây có lưu lượng nước lớn nhất (theo số liệu đo ở các trạm Mỹ Thuận, trạm Cần Thơ, trạm Hà Nội và trạm Cung Sơn)?

A. Sông Đà Rằng.

B. Sông Mã.

C. Sông Mê Công (Cửu Long).

D. Sông Hồng.

Câu 5. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết lưu lượng nước thấp nhất của sông Mê Công (Cửu Long) vào thời gian nào sau đây (theo số liệu đo được ở trạm Mỹ Thuận và trạm Cần Thơ)?

A. Tháng III đến tháng IV.

B. Tháng I đến tháng III.

C. Tháng X đến tháng XII.

D. Tháng V đến tháng X.

Câu 6. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết lưu vực sông nào sau đây hầu hết **không chảy** trực tiếp ra biển?

A. Lưu vực sông Mê Công (phần trên lãnh thổ Đồng bằng sông Cửu Long).

B. Lưu vực sông Đồng Nai.

C. Lưu vực sông Ba (Đà Rằng).

D. Sông Mê Công (phần trên lãnh thổ Tây Nguyên).

Câu 7. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết sông Bé thuộc lưu vực sông nào sau đây?

A. Lưu vực sông Thu Bồn.

B. Lưu vực sông Đồng Nai.

C. Lưu vực sông (Đà Rằng).

D. Lưu vực sông Mê Công.

Câu 8. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết sông Đà thuộc lưu vực sông nào sau đây?

A. Lưu vực sông Thái Bình.

B. Lưu vực sông Hồng.

C. Lưu vực sông Mã.

D. Lưu vực sông Kỳ Cùng –Bằng Giang.

Câu 9. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết sông Vàm Cỏ Đông thuộc lưu vực sông nào sau đây?

A. Lưu vực sông Đồng Nai.

B. Lưu vực sông Thu Bồn.

C. Lưu vực sông Ba (Đà Rằng).

D. Lưu vực sông Mê Công.

Câu 10. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết sông La Ngà thuộc lưu vực sông nào sau đây?

A. Lưu vực sông Đồng Nai.

B. Lưu vực sông Thu Bồn.

C. Lưu vực sông Mê Công.

D. Lưu vực sông Ba (Đà Rằng).

IV. Atlas Địa lí trang 13 và 14 (các miền tự nhiên)

Câu 1. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, ranh giới tự nhiên giữa vùng núi Đông Bắc và Tây Bắc là

A. sông Hồng.

B. sông Đà.

C. sông Mã.

D. sông Cả.

Câu 2. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, đỉnh Phanxipăng thuộc dãy núi

- A. Con Voi. B. Hoàng Liên Sơn.
C. Trường Sơn Bắc. D. Tam Điệp.

Câu 3. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, đỉnh núi nào sau đây **không thuộc** vùng núi Đông Bắc?

- A. Tây Côn Lĩnh. B. Phu Luông. C. Kiều Liêu Ti. D. Pu Tha Ca.

Câu 4. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, dãy núi nào sau đây **không** chạy theo hướng tây bắc – đông nam?

- A. Bạch Mã. B. Hoàng Liên Sơn. C. Trường Sơn Bắc. D. Pu Đen Đình.

Câu 5. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, đỉnh núi cao nhất ở miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ là

- A. Phanxipăng. B. Phu Luông. C. Pu Trà. D. Pu Hoạt.

Câu 6. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, hãy cho biết đèo Hải Vân thuộc dãy núi nào?

- A. Bạch Mã. B. Hoàng Liên Sơn. C. Trường Sơn Bắc. D. Hoàng Sơn.

Câu 7. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, hãy cho biết nhận định nào sau đây **đúng nhất** về đặc điểm của bốn cánh cung ở vùng núi Đông Bắc?

- A. song song với nhau.
B. so le với nhau.
C. chụm lại ở Tam Đảo mở rộng về phía Bắc và Đông.
D. có hướng Tây Bắc - Đông Nam.

Câu 8. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, hãy cho biết nhận định nào sau đây **đúng nhất** về đặc điểm địa hình của vùng núi Trường Sơn Nam?

- A. địa hình cao nhất cả nước.
B. gồm nhiều dãy núi theo hướng Tây Bắc – Đông Nam.
C. gồm các khối núi và cao nguyên.
D. gồm các các cánh cung song song với nhau.

Câu 9. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, cao nguyên có độ cao cao nhất ở vùng núi Trường Sơn Nam là

- A. Kon Tum. B. Đắk Lắk. C. Mơ Nông. D. Lâm Viên.

Câu 10. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, lát cắt địa hình A - B đi theo hướng

- A. Tây Nam - Đông Bắc. B. Đông Nam - Tây Bắc.
C. Bắc - Nam. D. Đông - Tây.

V. Atlas Địa lí trang 15 (dân cư)

Câu 1. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, hãy cho biết đâu là đô thị đặc biệt của nước ta?

- A. Hà Nội, Hải Phòng. B. Hà Nội, Đà Nẵng.
C. Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh. D. Cần Thơ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Câu 2. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, hãy cho biết vùng nào có mật dân số cao nhất nước ta ?

- A. Đồng bằng sông Cửu Long. B. Duyên hải Nam Trung Bộ.
C. Đồng bằng sông Hồng. D. Tây Nguyên.

Câu 3. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, hãy cho biết thành phố nào sau đây **không phải** là thành phố trực thuộc Trung ương?

- A. Đà Nẵng. B. Cần Thơ. C. Hải Phòng. D. Huế.

Câu 4. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, hãy cho biết đô thị có quy mô dân số từ 200 001 – 500 000 người ở vùng Tây Nguyên là đô thị nào?

- A. Đà Lạt. B. Buôn Ma Thuột. C. Pleiku. D. Kon Tum.

Câu 5. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, hãy cho biết các đô thị có quy mô dân số từ 200 001 – 500 000 người ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là đô thị nào?

- A. Đà Nẵng, Quy Nhơn. B. Quy Nhơn, Nha Trang.
C. Nha Trang, Phan Thiết. D. Phan Thiết, Đà Nẵng.

Câu 6. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, hãy cho biết đô thị nào ở Đồng bằng sông Cửu Long có số dân từ 500 000 – 1 000 000 người?

- A. Long Xuyên. B. Cà Mau. C. Cần Thơ. D. Mỹ Tho.

Câu 7. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, hãy cho biết đô thị nào ở vùng Đông Nam Bộ có số dân dưới 100 000 người?

- A. Bà Rịa. B. Thủ Dầu Một. C. Tây Ninh. D. Biên Hòa.

Câu 8. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, hãy cho biết cơ cấu dân thành thị và nông thôn năm 2007 lần lượt là (đơn vị: %)

- A. 27,4 và 72,6. B. 72,6 và 27,4. C. 28,1 và 71,9. D. 71,9 và 28,1.

Câu 9. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, hãy cho biết cơ cấu lao động đang làm việc phân theo khu vực kinh tế công nghiệp từ năm 1995 – 2007 có sự chuyển dịch theo hướng nào?

- A. Giảm liên tục. B. Tăng liên tục. C. Không ổn định. D. Biến động.

Câu 10. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, hãy cho biết tỷ lệ dân nông thôn ở nước ta năm 2007 ? (đơn vị: %)

- A. 71,9. B. 72,6. C. 75,8. D. 76,4.

Câu 11. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, hãy cho biết đô thị nào có quy mô dân số lớn nhất trong các đô thị dưới đây?

- A. Thanh Hóa. B. Quy Nhơn. C. Nha Trang. D. Đà Nẵng.

Câu 12. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, hãy cho biết đô thị nào sau đây có quy mô dân số từ 100 000 – 200 000 người?

- A. Nha Trang. B. Buôn Ma Thuột. C. Biên Hòa. D. Đà Lạt.

Câu 13. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, hãy cho biết đô thị nào sau đây **không phải** là đô thị loại 2 (năm 2007)?

- A. Mỹ Tho B. Bảo Lộc. C. Buôn Ma Thuột. D. Đà Lạt.

Câu 14. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, nhận xét nào đây là **không đúng** về dân số phân theo thành thị - nông thôn ở nước ta?

- A. Dân số nông thôn luôn cao gấp nhiều lần dân số thành thị.
B. Dân số nông thôn chiếm tỉ trọng lớn và có xu hướng ngày càng tăng.
C. Dân số thành thị chiếm tỉ trọng thấp và có xu hướng ngày càng tăng.
D. Dân số nông thôn chiếm tỉ trọng lớn và có xu hướng ngày càng giảm.

Câu 15. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15 (tháp dân số), nhận xét nào sau đây là **không đúng** về cơ cấu dân số phân theo các nhóm tuổi ở nước ta?

- A. Tỉ lệ dân số nữ cao hơn tỉ lệ dân số nam.
B. Nước ta có cơ cấu dân số già.
C. Dân số nước ta đang có xu hướng chuyển sang cơ cấu dân số già.
D. Tỉ lệ nhóm tuổi từ 0 đến 14 tuổi có xu hướng giảm.

VI. Atlas Địa lí trang 17 (kinh tế chung)

Câu 1. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, tỉnh nào của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có GDP bình quân đầu người từ 15 đến 18 triệu đồng?

- A. Phú Yên. B. Khánh Hòa. C. Ninh Thuận. D. Bình Thuận.

Câu 2. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, hãy cho biết trung tâm kinh tế nào có quy mô trên 100 nghìn tỉ đồng?

- A. Thành Phố Hồ Chí Minh. B. Nha Trang.
C. Đà Nẵng. D. Hải Phòng.

Câu 3. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, Biểu đồ GDP và tốc độ tăng trưởng qua các năm giai đoạn 2000 -2007, nhận xét nào là **không đúng**?

- A. Tốc độ tăng trưởng tăng liên tục.
B. GDP tăng liên tục.
C. Tốc độ tăng trưởng và GDP đều tăng.
D. GDP và tốc độ tăng trưởng không tăng.

Câu 4. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, Biểu đồ cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế giai đoạn 1990-2007, nhận xét nào **không đúng**?

- A. Nông, lâm, thủy sản giảm tỉ trọng.
- B. Công nghiệp và xây dựng tăng tỉ trọng.
- C. Dịch vụ tăng tỉ trọng.
- D. Dịch vụ khá cao nhưng chưa ổn định.

Câu 5. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, vùng có nhiều tỉnh GDP bình quân tính theo đầu người dưới 6 triệu đồng là

- A. Đồng bằng sông Hồng.
- B. Trung du miền núi Bắc Bộ.
- C. Bắc Trung Bộ.
- D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 6. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, hãy cho biết trung tâm kinh tế nào có quy mô lớn nhất vùng Đồng bằng sông Hồng ?

- A. Hải Phòng.
- B. Hải Dương.
- C. Hà Nội.
- D. Nam Định.

Câu 7. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, hãy cho biết trung tâm kinh tế nào có quy mô lớn nhất ở vùng Đông Nam Bộ?

- A. Thủ Dầu Một.
- B. Biên Hòa.
- C. Tp. Hồ Chí Minh.
- D. Bà Rịa Vũng Tàu.

Câu 8. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, hãy so sánh cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của Hà Nội và Thành Phố Hồ Chí Minh

- A. Tỉ trọng nông, lâm, thủy sản Hà Nội cao hơn TP. Hồ Chí Minh.
- B. Tỉ trọng dịch vụ Hà Nội thấp hơn TP. Hồ Chí Minh.
- C. Tỉ trọng công nghiệp ở Hà Nội cao hơn TP. Hồ Chí Minh.
- D. Quy mô GDP của Hà Nội lớn hơn TP. Hồ Chí Minh.

Câu 9. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, hãy cho biết các trung tâm kinh tế tập trung cao ở vùng nào?

- A. Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ.
- B. Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ.
- C. Đông Nam Bộ và Tây Nguyên.
- D. Tây Nguyên và Trung du miền núi Bắc Bộ.

Câu 10. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, vùng có nhiều tỉnh có GDP bình quân đầu người trên 18 triệu đồng?

- A. Đông Nam Bộ.

- B. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- C. Đồng bằng sông Cửu Long.
- D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 11. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, hãy cho biết khu kinh tế ven biển Chu Lai thuộc vùng kinh tế nào sau đây?

- A. Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.
- B. Vùng Tây Nguyên.
- C. Vùng Bắc Trung Bộ.
- D. Vùng Đông Nam Bộ.

Câu 12. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, hãy cho biết cửa khẩu quốc tế nào sau đây **không thuộc** vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Thanh Thủy.
- B. Đồng Đăng - Lạng Sơn.
- C. Cầu Treo.
- D. Móng Cái.

Câu 13. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, hãy cho biết khu kinh tế ven biển Nhơn Hội thuộc vùng kinh tế nào sau đây?

- A. Vùng Tây Nguyên.
- B. Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.
- C. Vùng Đông Nam Bộ.
- D. Vùng Bắc Trung Bộ.

Câu 14. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, hãy cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây có quy mô trên 100 000 tỉ đồng?

- A. Hải Phòng
- B. Thành phố Hồ Chí Minh.
- C. Hạ Long.
- D. Biên Hòa.

Câu 15. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, hãy cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây có ngành dịch vụ chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu kinh tế?

- A. Biên Hòa
- B. Vũng Tàu.
- C. Cần Thơ.
- D. Thành phố Hồ Chí Minh.

VII. Atlas Địa lí trang 18 (Nông nghiệp chung)

Câu 1. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 18, hãy cho biết Tây Nguyên tiếp giáp với các vùng nông nghiệp nào sau đây?

- A. Duyên hải Nam Trung Bộ và Đông Nam Bộ.
- B. Bắc Trung Bộ và Đồng bằng Sông Hồng.
- C. Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ.
- D. Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 2. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 18, hãy cho biết vùng nào sau đây trồng nhiều cây cà phê nhất nước ta ?

- A. Đông Nam Bộ.
- B. Tây Nguyên.
- C. Bắc Trung Bộ.
- D. Trung du miền núi Bắc Bộ.

Câu 3. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 18, hãy cho biết 2 vùng chuyên canh chè lớn ở nước ta?

- A. Duyên hải Nam Trung Bộ và Bắc Trung Bộ.
- B. Bắc Trung Bộ và Đồng bằng Sông Hồng.
- C. Trung du và miền núi Bắc Bộ và Tây Nguyên.
- D. Đông Nam Bộ và Tây Nguyên.

Câu 4. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 18, hãy cho biết 2 vùng chuyên canh cao su lớn ở nước ta?

- A. Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ.
- B. Đồng bằng Sông Hồng và Bắc Trung Bộ.
- C. Trung du và miền núi Bắc Bộ và Tây Nguyên.
- D. Đông Nam Bộ và Tây Nguyên.

Câu 5. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 18, hãy cho biết vùng nào sau đây có diện tích đất mặt nước nuôi trồng thủy sản nhiều nhất?

- A. Bắc Trung Bộ.
- B. Đồng bằng sông Cửu Long.
- C. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 6. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 18, hãy cho biết cây công nghiệp nào dưới đây **không thuộc** Đông Nam Bộ?

- A. Cao su.
- B. Chè.
- C. Cà phê.
- D. Điều .

Câu 7. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 18, hãy cho biết cây công nghiệp lâu năm phân bố chủ yếu ở Đông Nam Bộ?

- A. Cao su, cà phê, điều, hồ tiêu.
- B. Chè, cao su, điều, bông.
- C. Đậu tương, mía, lạc, chè.
- D. Cà phê, cao su, mía, bông.

Câu 8. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 18, hãy cho biết vùng nông nghiệp nào sau đây tiếp giáp với Lào và Campuchia?

- A. Bắc Trung Bộ.
- B. Đông Nam Bộ.
- C. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- D. Tây Nguyên.

Câu 9. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 18, hãy cho biết nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng cơ cấu giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản năm 2000 và năm 2007?

- A. Tỉ trọng nông nghiệp và lâm nghiệp giảm, thủy sản tăng.
- B. Tỉ trọng nông nghiệp giảm, lâm nghiệp và thủy sản tăng.

- C. Tỷ trọng nông nghiệp tăng, lâm nghiệp và thủy sản tăng.
- D. Tỷ trọng nông nghiệp tăng, lâm nghiệp và thủy sản giảm.

Câu 10. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 18, hãy cho biết nhận xét nào sau đây đúng với giá trị sản xuất nông nghiệp từ năm 2000 đến năm 2007?

- A. Giá trị sản xuất nông nghiệp tăng gấp 2 lần.
- B. Giá trị sản xuất nông nghiệp tăng gấp 3 lần.
- C. Giá trị sản xuất nông nghiệp tăng gấp 4 lần.
- D. Giá trị sản xuất nông nghiệp tăng gấp 5 lần.

Câu 11. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 18, hãy cho biết nhận xét nào sau đây không đúng về giá trị sản xuất và cơ cấu giá trị sản xuất của các ngành trong nông nghiệp giai đoạn 2000-2007?

- A. Giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp.
- B. Giảm tỷ trọng ngành lâm nghiệp.
- C. Tăng tỷ trọng ngành thủy sản.
- D. Giảm giá trị sản xuất ngành nông nghiệp.

Câu 12. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 18, hãy cho biết vùng có diện tích đất phi nông nghiệp nhiều nhất là vùng nào?

- A. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- B. Tây Nguyên.
- C. Đông Nam Bộ.
- D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 13. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 18, hãy cho biết trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long, loại đất nào chiếm diện tích lớn nhất?

- A. Đất trồng cây công nghiệp lâu năm và cây ăn quả.
- B. Đất trồng cây lương thực, thực phẩm và cây ăn quả.
- C. Đất mặt nước nuôi trồng thủy sản.
- D. Đất lâm nghiệp có rừng.

Câu 14. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 18, hãy cho biết trong các vùng sau, vùng nào nuôi trâu nhiều nhất?

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- B. Đồng bằng Sông Hồng.
- C. Bắc Trung Bộ.
- D. Duyên hải Nam trung Bộ.

Câu 15. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 18, hãy cho biết cây ăn quả không phải là cây chuyên môn hóa của vùng nào sau đây?

- A. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- B. Tây Nguyên.
- C. Đông Nam Bộ.
- D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 16. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 18, hãy cho biết cây mía không phải là cây chuyên môn hóa của vùng nào sau đây?

- A. Đồng bằng Sông Hồng. B. Duyên hải Nam Trung Bộ.
 C. Đông Nam Bộ. D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 17. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 18, hãy cho biết trong các vùng nào sau đây có diện tích đất mặt nước nuôi trồng thủy sản nhiều nhất?

- A. Đồng bằng Sông Hồng. B. Duyên hải Nam Trung Bộ.
 C. Đông Nam Bộ. D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 18. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 18 và trang 4-5, hãy cho biết tỉnh nào ở Duyên hải Nam Trung Bộ có chuyên môn hóa cây mía?

- A. Bình Định. B. Phú Yên. C. Khánh Hòa. D. Ninh Thuận.

Câu 19. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 18, hãy cho biết giá trị sản xuất của ngành nông nghiệp năm 2007 đạt bao nhiêu tỉ đồng?

- A. 236 987,1 tỉ đồng. B. 129 017,7 tỉ đồng.
 C. 89 378 tỉ đồng. D. 267 456,8 tỉ đồng.

Câu 20. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 18 và trang 4-5, hãy cho biết tỉnh nào của Tây Nguyên có chuyên môn hóa cây chè?

- A. Gia Lai. B. Đắk Lắk. C. Đắk Nông. D. Lâm Đồng.

VIII. Atlas Địa lí trang 19 (nông nghiệp, trồng trọt, chăn nuôi)

Câu 1. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, hãy cho biết tỉnh có diện tích trồng lúa so với diện tích trồng cây lương thực dưới 60 % ?

- A. Tây Ninh. B. Bình Phước. C. Ninh Thuận. D. Bình Thuận.

Câu 2. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, hãy cho biết tỉnh có diện tích trồng lúa so với diện tích trồng cây lương thực trên 90 % ?

- A. Thái Bình. B. Thanh Hóa. C. Hòa Bình. D. Nghệ An.

Câu 3. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, hãy cho biết cây chè phân bố ở các tỉnh nào sau đây ?

- A. Hà Giang, Yên Bái, Phú Thọ, Thái Nguyên, Lâm Đồng.
 B. Hà Giang, Lào Cai, Yên Bái, Thái Nguyên, Lâm Đồng.
 C. Hà Giang, Yên Bái, Phú Thọ, Sơn La, Điện Biên, Lâm Đồng.
 D. Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Lâm Đồng.

Câu 4. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, hãy cho biết tỉnh có sản lượng lúa cao nhất ?

- A. Cần Thơ. B. Sóc Trăng. C. An Giang. D. Trà Vinh.

Câu 5. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, hãy cho biết tỉnh có diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm cao nhất ?

A. Đắc Nông. B. Lâm Đồng. C. Bình Thuận. D. Ninh Thuận.

Câu 6. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 19, hãy cho biết tỉnh nào sau đây có số lượng gia cầm trên 9 triệu con?

A. Quảng Bình. B. Quảng Trị. C. Nghệ An. D. Hà Tĩnh.

Câu 7. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 19, hãy cho biết tỉnh nào không có diện tích trồng cây lúa so với diện tích trồng cây lương thực từ 60-70% ?

A. Lạng Sơn. B. Thái Nguyên. C. Bắc Cạn. D. Tuyên Quang.

Câu 8. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 19, hãy cho biết nhận định nào sau đây là đúng về diện tích trồng cây công nghiệp trong năm 2000 và năm 2005?

- A. Cây công nghiệp lâu năm tăng, cây công nghiệp hàng năm tăng.
- B. Cây công nghiệp lâu năm tăng, cây công nghiệp hàng năm giảm.
- C. Cây công nghiệp hàng năm lớn hơn cây lâu năm.
- D. Cây công nghiệp lâu năm giảm, cây hàng năm tăng.

Câu 9. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 19, hãy cho biết nhận định nào sau đây là đúng về diện tích và sản lượng lúa cả nước qua các năm ?

- A. Diện tích tăng, sản lượng tăng. B. Diện tích tăng, sản lượng giảm.
- C. Diện tích giảm, sản lượng tăng. D. Diện tích giảm, sản lượng giảm.

Câu 10. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 19, hãy cho biết nhận định nào sau đây **không đúng** về cơ cấu giá trị sản xuất ngành chăn nuôi từ năm 2000 đến 2007?

- A. Gia súc tăng, gia cầm giảm.
- B. Gia cầm giảm, sản phẩm không qua giết thịt giảm.
- C. Gia súc tăng, sản phẩm không qua giết thịt giảm.
- D. Gia súc tăng, gia cầm tăng.

IX. Atlas Địa lý trang 20 (Thủy sản – lâm nghiệp)

Câu 1. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 20, hãy cho biết tỉnh nào sau đây có tỉ lệ diện tích rừng trên 60% so với diện tích toàn tỉnh là?

A. Nghệ An. B. Hà Tĩnh. C. Đắk Lắk. D. Lâm Đồng.

Câu 2. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 20, hãy cho biết tỉnh nào sau đây có giá trị sản lượng thủy sản nuôi trồng cao nhất Đồng bằng sông Cửu Long?

A. An Giang. B. Kiên Giang. C. Đồng Tháp. D. Cà Mau.

Câu 3. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 20, hãy cho biết tỉnh nào sau đây có giá trị sản lượng thủy sản khai thác cao nhất Đồng bằng sông Cửu Long ?

A. Bạc Liêu. B. Kiên Giang. C. Sóc Trăng. D. Cà Mau.

Câu 4. Căn cứ vào Atlat Địa lý Việt Nam trang 20, hãy cho biết vùng nào sau đây có giá trị sản xuất thủy sản thấp nhất trong giá trị sản xuất nông – lâm – thủy sản?

- A. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- B. Đồng bằng sông Cửu Long.
- C. Đông Nam Bộ.
- D. Tây Nguyên.

Câu 5. Căn cứ vào Atlat Địa lý Việt Nam trang 20, hãy cho biết tỉnh nào sau đây có tỉ lệ diện tích rừng từ trên 40 % - 60% so với diện tích toàn tỉnh là?

- A. Nghệ An.
- B. Lai Châu.
- C. Kon Tum.
- D. Tuyên Quang.

Câu 6. Căn cứ vào Atlat Địa lý Việt Nam trang 20, hãy cho biết tỉnh nào sau đây có sản lượng thủy sản khai thác cao hơn sản lượng nuôi trồng?

- A. Cà Mau.
- B. Kiên Giang.
- C. Bà Rịa – Vũng Tàu.
- D. Bạc Liêu.

Câu 7. Căn cứ vào Atlat Địa lý Việt Nam trang 20, hãy cho biết tỉnh nào sau đây có giá trị sản xuất thủy sản trên 50 % trong tổng giá trị sản xuất nông – lâm – thủy sản?

- A. Quảng Ninh.
- B. Bình Định.
- C. Bình Thuận.
- D. Bạc Liêu.

Câu 8. Căn cứ vào Atlat Địa lý Việt Nam trang 20, hãy cho biết các tỉnh nào sau đây có diện tích rừng so với diện tích toàn tỉnh trên 60% ?

- A. Tuyên Quang, Nghệ An, Đắk Lắk, Lâm Đồng.
- B. Lâm Đồng, Đắk Lắk, Kon Tum, Quảng Bình.
- C. Quảng Bình, Quảng Trị, Kon Tum, Lâm Đồng.
- D. Tuyên Quang, Quảng Bình, Kon Tum, Lâm Đồng.

Câu 9. Căn cứ vào Atlat Địa lý Việt Nam trang 20, hãy cho biết nhận xét nào sau đây không đúng về biểu đồ diện tích rừng của nước ta qua các năm?

- A. Tổng diện tích rừng nước ta tăng qua các năm.
- B. Diện tích rừng tự nhiên qua các năm tăng liên tục.
- C. Diện tích rừng trồng qua các năm tăng liên tục.
- D. Diện tích rừng tự nhiên tăng nhanh hơn diện tích rừng trồng.

Câu 10. Căn cứ vào Atlat Địa lý Việt Nam trang 20, hãy cho biết nhận xét nào sau đây là **không đúng** về biểu đồ sản lượng thủy sản của nước ta qua các năm?

- A. Tổng sản lượng thủy sản tăng qua các năm.
- B. Sản lượng thủy sản khai thác giảm.
- C. Sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng.
- D. Sản lượng nuôi trồng tăng nhanh hơn sản lượng khai thác.

X. Atlat Địa lý trang 21 (công nghiệp chung)

Câu 1. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, hãy cho biết các trung tâm công nghiệp có quy mô trên 120 nghìn tỉ đồng?

- A. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh.
- B. Hải Phòng, Bà Rịa- Vũng Tàu.
- C. Hà Nội, Hải Phòng.
- D. TP. Hồ Chí Minh, Thủ Dầu Một.

Câu 2. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, hãy cho biết các trung tâm công nghiệp có quy mô từ 9 – 40 nghìn tỉ đồng của Đồng bằng Sông Cửu Long?

- A. Cần Thơ, Long Xuyên.
- B. Cần Thơ, Cà Mau.
- C. Cà Mau, Long Xuyên.
- D. Sóc Trăng, Mỹ Tho.

Câu 3. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, hãy sắp xếp các trung tâm công nghiệp sau đây theo thứ tự từ Bắc vào Nam?

- A. Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ.
- B. Đà Nẵng, Cần Thơ, Hải Phòng.
- C. Hải Phòng, Cần Thơ, Đà Nẵng.
- D. Cần Thơ, Hải Phòng, Đà Nẵng.

Câu 4. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, hãy cho biết trung tâm công nghiệp Vinh thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Bình.
- B. Quảng Trị.
- C. Hà Tĩnh.
- D. Nghệ An.

Câu 5. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, trung tâm công nghiệp Đà Nẵng có giá trị sản xuất công nghiệp là

- A. dưới 9 nghìn tỉ đồng.
- B. từ 9-40 nghìn tỉ đồng.
- C. từ trên 40-120 nghìn tỉ đồng.
- D. trên 120 nghìn tỉ đồng.

Câu 6. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, hãy cho biết trung tâm công nghiệp Đà Nẵng bao gồm những ngành công nghiệp nào?

- A. Cơ khí, dệt may, hóa chất –phân bón, điện tử, đóng tàu.
- B. Cơ khí, dệt may, hóa chất –phân bón, điện tử, chế biến nông sản.
- C. Cơ khí, dệt may, hóa chất –phân bón, điện tử, luyện kim màu.
- D. Cơ khí, dệt may, hóa chất –phân bón, điện tử, sản xuất ô tô.

Câu 7. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, giá trị sản công nghiệp của tỉnh Quảng Ninh so với cả nước là

- A. trên 0,5-1%.
- B. trên 1-2,5 %.
- C. trên 2,5-10%.
- D. trên 10%.

Câu 8. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, hãy cho biết vùng có mức độ tập trung công nghiệp vào loại cao nhất cả nước?

- A. Duyên hải miền Trung.
- B. Đông Nam Bộ.
- C. Đồng bằng sông Cửu Long.
- D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 9. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, hãy cho biết nhận định nào sau đây **không đúng** về CƠ CẤU GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP CỦA CẢ NƯỚC THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ (%)?

- A. Tỷ trọng khu vực nhà nước giảm.

- B. Tỉ trọng khu vực ngoài nhà nước tăng.
- C. Tỉ trọng khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng.
- D. Tỉ trọng khu vực có vốn đầu tư nước ngoài giảm.

Câu 10. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, hãy cho biết nhận định nào không đúng về CẤU GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP CỦA CẢ NƯỚC PHÂN THEO NHÓM NGÀNH ?

- A. Tỉ trọng công nghiệp khai thác giảm và công nghiệp chế biến có xu hướng tăng.
- B. Tỉ trọng công nghiệp khai thác và công nghiệp chế biến có xu hướng tăng.
- C. Tỉ trọng công nghiệp sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước có xu hướng giảm.
- D. Tỉ trọng công nghiệp sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước có luôn chiếm tỉ trọng thấp nhất.

XI. Atlas Địa lí trang 22 (Các ngành công nghiệp trọng điểm)

Câu 1. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết các nhà máy nhiệt điện nào sau đây có công suất trên 1000MW?

- | | |
|------------------------------|-------------------------------|
| A. Phả Lại, Phú Mỹ, Cà Mau. | B. Hòa Bình, Phả Lại, Phú Mỹ. |
| C. Phả Lại, Phú Mỹ, Trà Nóc. | D. Bà Rịa, Phả Lại, Uông Bí. |

Câu 2. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết các nhà máy nhiệt điện nào sau đây có công suất dưới 1000MW của vùng Đông Nam Bộ?

- | | |
|---------------------|---------------------|
| A. Thủ Đức, Phú Mỹ. | B. Bà Rịa, Thủ Đức. |
| C. Bà Rịa, Trà Nóc. | D. Phú Mỹ, Trà Nóc |

Câu 3. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết các trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô rất lớn?

- | | |
|-------------------------------|-----------------------------|
| A. Hải Phòng, Hà Nội. | B. Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh. |
| C. Tp. Hồ Chí Minh, Biên Hòa. | D. Đà Nẵng, Hà Nội. |

Câu 4. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết các trung tâm công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng có quy mô lớn?

- A. Hải Phòng, Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh, Thủ Dầu Một.
- B. Hải Phòng, Vũng Tàu, Tp. Hồ Chí Minh, Biên Hòa.
- C. Hải Phòng, Nha Trang, Hải Dương, Đà Nẵng.
- D. Hải Phòng, Vũng Tàu, Thủ Dầu Một, Biên Hòa.

Câu 5. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết trung tâm công nghiệp Huế có những ngành sản xuất hàng tiêu dùng nào dưới đây?

- A. Dệt, may; da, giày; giấy, in, văn phòng phẩm.
- B. Dệt, may; da, giày; gỗ, giấy, xenlulo.

C. Dệt, may; gỗ, giấy, xenlulo; giấy, in, văn phòng phẩm

D. Gỗ, giấy, xenlulo; da, giày; giấy, in, văn phòng phẩm

Câu 6. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết các trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô vừa của vùng đồng bằng Sông Hồng?

A. Hải Phòng, Hải Dương.

B. Hải Dương, Nam Định.

C. Nam Định, Hạ Long.

D. Hải Phòng, Nam Định.

Câu 7. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết các trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô lớn của vùng đồng bằng Sông Cửu Long?

A. Long Xuyên, Cần Thơ.

B. Sóc Trăng, Rạch Giá.

C. Cà Mau, Cần Thơ.

D. Cà Mau, Rạch Giá.

Câu 8. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết nhận xét nào sau đây là **không đúng** về sản lượng khai thác dầu thô và than sạch của cả nước từ năm 2000 đến năm 2007?

A. Sản lượng dầu có xu hướng giảm.

B. Sản lượng than có tốc độ tăng nhanh hơn dầu.

C. Sản lượng than có tốc độ tăng liên tục.

D. Sản lượng khai thác dầu và than tăng liên tục qua các năm.

Câu 9. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết nhận xét nào sau đây là đúng nhất nói về giá trị sản xuất hàng tiêu dùng năm 2000-2007?

A. Giá trị sản xuất dệt may, da giày, giấy-in-văn phòng phẩm tăng liên tục.

B. Giá trị sản xuất dệt may giảm, da giày tăng, giấy in, văn phòng phẩm.

C. Giá trị sản xuất da giày giảm, dệt may-giấy-in-văn phòng phẩm.

D. Giá trị sản xuất dệt may, da giày, giấy-in-văn phòng phẩm giảm liên tục.

Câu 10. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết nhận xét nào sau đây là **đúng nhất** nói về giá trị sản xuất hàng tiêu dùng năm 2000-2007?

A. Da giày có giá trị thấp hơn giấy-in-văn phòng phẩm.

B. Dệt may luôn chiếm giá trị cao nhất.

C. Sản xuất giấy-in-văn phòng phẩm có xu hướng giảm.

D. Da giày tăng và chiếm giá trị lớn nhất.

XII. Atlas Địa lí trang 23 (Giao thông)

Câu 1. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, hãy cho biết 2 cửa khẩu quốc tế nào sau đây nằm trên đường biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc?

A. Lào Cai, Hữu Nghị.

B. Lào Cai, Na Mèo.

C. Móng Cái, Tây Trang.

D. Hữu Nghị, Na Mèo.

Câu 2. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 23, hãy cho biết 2 cửa khẩu quốc tế nào sau đây nằm trên đường biên giới giữa Việt Nam và Lào?

A. Tây Trang, Lệ Thanh.

B. Cha Lo, Lao Bảo.

C. Nậm Cắn, Hoa Lư.

D. Nậm Cắn, Lệ Thanh.

Câu 3. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 23, hãy cho biết 2 cửa khẩu quốc tế nào sau đây nằm trên đường biên giới giữa Việt Nam và Campuchia?

A. Lao Bảo, Hoa Lư.

B. Cha Lo, Xa Mát.

C. Vĩnh Xương, Mộc Bài.

D. Mộc Bài, Lao Bảo.

Câu 4. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 23, hãy cho biết tuyến đường biển nào sau đây quan trọng nhất của nước ta?

A. Hải Phòng – Đà Nẵng.

B. Đà Nẵng – TP. Hồ Chí Minh.

C. Đà Nẵng – Quy Nhơn.

D. TP. Hồ Chí Minh – Hải Phòng.

Câu 5. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 23, hãy cho biết điểm đầu và điểm cuối của quốc lộ 1A đi từ Bắc vào Nam ?

A. Hữu Nghị đến Năm Căn.

B. Hữu Nghị đến TP. Hồ Chí Minh.

C. Hữu Nghị đến Cần Thơ.

D. Hữu Nghị đến Mỹ Tho.

Câu 6. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 23, hãy cho biết điểm đầu và điểm cuối của tuyến đường sắt Thống Nhất từ Bắc vào Nam?

A. Hà Nội – Lạng Sơn.

B. Hà Nội – TP. Hồ Chí Minh.

C. Hà Nội – Hải Phòng.

D. Hà Nội – Đà Nẵng.

Câu 7. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 23, sân bay nào sau đây **không phải** là sân bay quốc tế?

A. Cát Bi (Hải Phòng).

B. Nội Bài (Hà Nội).

C. Cần Thơ.

D. Đà Nẵng.

Câu 8. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 23, hãy cho biết cảng biển nào sau đây thuộc vùng Bắc Trung Bộ?

A. Cái Lân.

B. Quy Nhơn.

C. Cam Ranh.

D. Cửa Lò.

Câu 9. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 23, hãy cho biết cửa khẩu quốc tế nào sau đây thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long?

A. Tịnh Biên.

B. Lệ Thanh.

C. Nậm Cắn.

D. Móng Cái.

Câu 10. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 23, hãy sắp xếp các cảng biển theo thứ tự từ Bắc vào Nam?

A. Hải Phòng, Vũng Tàu, Dung Quất.

B. Hải Phòng, Dung Quất, Vũng Tàu.

C. Hải Phòng, Vũng Tàu, Đà Nẵng.

D. Hải Phòng, Sài Gòn, Đà Nẵng.

XIII. Atlas Địa lí trang 24 (Thương mại)

Câu 1. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, hãy cho biết tỉnh, thành phố nào có giá trị xuất khẩu cao nhất nước ta?

- A. TP. Hồ Chí Minh.
- B. Bình Dương.
- C. Hà Nội.
- D. Bà Rịa – Vũng Tàu.

Câu 2. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, hãy cho biết tỉnh, thành phố nào có giá trị nhập khẩu cao nhất nước ta?

- A. Hà Nội.
- B. TP. Hồ Chí Minh.
- C. Bình Dương.
- D. Bà Rịa – Vũng Tàu.

Câu 3. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, hãy cho biết tỉnh, thành phố nào có giá trị xuất nhập khẩu cao nhất nước ta?

- A. Hải Phòng.
- B. Hà Nội.
- C. TP. Hồ Chí Minh.
- D. Đồng Nai.

Câu 4. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, hãy cho biết nhóm hàng nào có giá trị xuất khẩu chiếm tỉ trọng cao nhất nước ta?

- A. Công nghiệp nặng và khoáng sản.
- B. Nông, lâm sản.
- C. Thủy sản.
- D. Công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp.

Câu 5. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, hãy cho biết nhóm hàng nào có giá trị nhập khẩu chiếm tỉ trọng cao nhất nước ta?

- A. Nguyên, nhiên, vật liệu.
- B. Máy móc, thiết bị, phụ tùng.
- C. Hàng tiêu dùng.
- D. Thủy sản.

Câu 6. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, hãy cho biết quốc gia nào sau đây Việt Nam nhập siêu?

- A. Hoa Kỳ.
- B. Trung Quốc.
- C. Ô-xtray-li-a.
- D. Anh.

Câu 7. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, hãy cho biết quốc gia nào sau đây Việt Nam xuất siêu?

- A. Xingapo.
- B. Đài Loan.
- C. Hoa Kỳ.
- D. Hàn Quốc.

Câu 8. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, hãy cho biết nhận định nào sau đây là **không đúng** khi nhận xét về giá trị xuất – nhập khẩu hàng hóa của nước ta giai đoạn 2000 – 2007?

- A. Giá trị xuất khẩu tăng.
- B. Giá trị nhập khẩu tăng.
- C. Nhập siêu qua các năm.
- D. Xuất siêu qua các năm.

Câu 9. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, hãy cho biết nhận định nào sau đây là **không đúng** khi nhận xét về giá trị xuất – nhập khẩu hàng hóa của nước ta giai đoạn 2000 – 2007)?

- A. Giá trị xuất khẩu tăng nhanh hơn nhập khẩu.
- B. Giá trị nhập khẩu tăng nhanh hơn xuất khẩu.
- C. Tổng giá trị xuất nhập khẩu đều tăng.
- D. Giá trị nhập siêu ngày càng lớn.

Câu 10. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, hãy cho biết tỉnh nào sau đây của vùng Nam Trung Bộ có tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng cao nhất?

- A. Khánh Hòa. B. Đà Nẵng. C. Bình Thuận. D. Bình Định.

Câu 11. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, năm 2007 mặt hàng chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu hàng hóa xuất khẩu của nước ta là

- A. công nghiệp nặng và khoáng sản.
- B. công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp
- C. hàng tiêu dùng.
- D. nông, lâm sản.

Câu 12. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, hãy cho biết tỉnh nào trong các tỉnh sau đây có tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tính theo bình quân đầu người ở mức từ trên 8 đến 12 triệu đồng (năm 2007)?

- A. Bình Dương. B. Phú Yên. C. Tây Ninh. D. Khánh Hòa.

Câu 13. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, hãy cho biết quốc gia nào trong các quốc gia sau đây là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam (năm 2007)?

- A. Trung Quốc. B. Đức. C. Hoa Kỳ. D. Ôxtrâylia.

Câu 14. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, hãy cho biết tỉnh nào trong các tỉnh sau đây có tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tính theo bình quân đầu người ở mức từ 4 đến 8 triệu đồng (năm 2007)?

- A. Bình Dương. B. Kon Tum. C. Quảng Nam. D. Quảng Ninh.

Câu 15. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, hãy cho biết tỉnh, thành phố nào trong các tỉnh, thành phố sau đây có giá trị xuất khẩu thấp nhất (năm 2007)?

- A. Quảng Ninh. B. Thái Bình. C. Hải Phòng. D. Hà Nội.

XIV. Atlas Địa lí trang 25 (Du lịch)

Câu 1. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, hãy cho biết trung tâm du lịch nào sau đây là trung tâm du lịch quốc gia?

- A. Huế. B. Vũng Tàu. C. Hải Phòng. D. Nha Trang.

Câu 2. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, hãy cho biết trung tâm du lịch nào sau đây là trung tâm du lịch có ý nghĩa vùng của đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Kiên Giang. B. Cần Thơ. C. Cà Mau. D. Đồng Tháp.

Câu 3. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, hãy cho biết địa danh nào sau đây là di sản văn hóa thế giới?

- A. Vịnh Hạ Long. B. Phong Nha – Kẻ Bàng.
C. Phố cổ Hội An. D. Cát Tiên.

Câu 4. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, hãy cho biết địa danh nào sau đây là di sản thiên nhiên thế giới?

- A. Cố đô Huế. B. Thánh địa Mỹ Sơn.
C. Phố cổ Hội An. D. Phong Nha – Kẻ Bàng.

Câu 5. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, hãy cho biết địa danh nào sau đây khu dự trữ sinh quyển thế giới?

- A. Mũi Cà Mau. B. Tràm Chim.
C. U Minh Thượng. D. Lò Gò – Xa Mát.

Câu 6. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, hãy xác định các điểm du lịch biển từ bắc vào nam?

- A. Sầm Sơn, Mũi Né, Mỹ Khê. B. Sầm Sơn, Mỹ Khê, Mũi Né.
C. Mỹ Khê, Sầm Sơn, Mũi Né. D. Mũi Né, Sầm Sơn, Mỹ Khê.

Câu 7. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, hãy cho biết địa danh nào sau đây có lễ hội truyền thống?

- A. Bát Tràng. B. Vạn Phúc. C. Yên Tử. D. Tân Trào.

Câu 8. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, hãy xác định các thắng cảnh ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Cà Mau, Phan Thiết. B. Nha Trang, Phan Thiết.
C. Ninh Bình, Đồng Hới. D. Cà Mau, Long Xuyên.

Câu 9. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, hãy cho biết nhận xét nào sau đây **không đúng** khi nói về khách du lịch và doanh thu về du lịch nước ta giai đoạn 1995 – 2007?

- A. Khách nội địa giảm qua các năm.
B. Doanh thu tăng qua các năm.
C. Khách quốc tế tăng qua các năm.
D. Khách nội địa cao hơn khách quốc tế qua các năm.

Câu 10. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, hãy cho biết nhận xét nào sau đây **đúng** khi nói về khách du lịch và doanh thu về du lịch nước ta giai đoạn 1995 – 2007?

- A. Khách nội địa thấp hơn khách quốc tế qua các năm.

- B. Doanh thu du lịch tăng liên tục qua các năm.
- C. Khách quốc tế tăng chậm hơn khách nội địa qua các năm.
- D. Khách nội địa biến động qua các năm.

Câu 11. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, hãy cho biết trong các điểm du lịch sau đây, điểm du lịch nào được xếp vào loại tài nguyên du lịch nhân văn ở nước ta?

- A. Bình Châu.
- B. Núi Bà Đen.
- C. Mũi Né.
- D. Bến Ninh Kiều.

Câu 12. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, hãy cho biết trong các điểm du lịch sau đây, điểm du lịch nào được xếp vào loại tài nguyên du lịch tự nhiên ở nước ta?

- A. Phố cổ Hội An.
- B. Địa đạo Vĩnh Mốc.
- C. Phong Nha – Kẻ Bàng.
- D. Khe Sanh.

Câu 13. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, hãy cho biết trong các điểm du lịch sau đây, điểm du lịch nào là vườn quốc gia ở nước ta?

- A. Pleiku
- B. Buôn Ma Thuột.
- C. Ba Na.
- D. Chư Mom Ray.

Câu 14. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25 và trang 17, hãy cho biết bãi biển Dốc Lết nằm ở vùng kinh tế nào của nước ta sau đây?

- A. Đồng bằng sông Hồng.
- B. Bắc Trung Bộ.
- C. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- D. Đông Nam Bộ.

Câu 15. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25 và trang 17, hãy cho biết bãi biển Mỹ Khê nằm ở vùng kinh tế nào của nước ta sau đây?

- A. Đông Nam Bộ.
- B. Đồng bằng sông Hồng.
- C. Bắc Trung Bộ.
- D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

XV. Atlas Địa lí trang 26 (Trung du miền núi Bắc Bộ và Đồng bằng sông Hồng)

Câu 1. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, hãy cho biết khu kinh tế ven biển nào thuộc Trung du miền núi Bắc Bộ?

- A. Vân Đồn.
- B. Đình Vũ – Cát Hải.
- C. Nghi Sơn.
- D. Vũng Áng.

Câu 2. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, hãy cho biết tỉnh nào sau đây của vùng Trung du miền núi Bắc Bộ tiếp giáp Biển Đông?

- A. Lạng Sơn.
- B. Quảng Ninh.
- C. Bắc Giang.
- D. Thái Nguyên.

Câu 3. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, hãy cho biết mỏ apatit có nhiều ở tỉnh nào sau đây?

- A. Lai Châu.
- B. Lào Cai.
- C. Yên Bái.
- D. Sơn La.

Câu 4. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, hãy cho biết khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy thuộc tỉnh nào của vùng Trung du miền núi Bắc Bộ?

- A. Hà Giang. B. Cao Bằng. C. Lạng Sơn. D. Quảng Ninh.

Câu 5. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, hãy cho biết vùng Trung du miền núi Bắc Bộ có các trung tâm công nghiệp nào?

- A. Thái Nguyên, Hạ Long, Cẩm Phả. B. Hải Phòng, Hạ Long, Cẩm Phả.
C. Hải Phòng, Hạ Long, Thái Nguyên. D. Hạ Long, Cẩm Phả, Việt Trì.

Câu 6. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, hãy cho biết trung tâm công nghiệp Cẩm Phả gồm những ngành công nghiệp nào?

- A. Khai thác than đá và cơ khí. B. Khai thác than đá và than nâu.
C. Khai thác than đá và luyện kim màu. D. Cơ khí và chế biến nông sản.

Câu 7. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, hãy cho biết trung tâm công nghiệp nào ở Trung du và miền núi Bắc Bộ có giá trị sản xuất (theo giá thực tế năm 2007) từ 9 đến 40 nghìn tỉ đồng?

- A. Thái Nguyên. B. Cẩm Phả. C. Hạ Long. D. Bắc Ninh.

Câu 8. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, theo biểu đồ cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, cho biết nhận định nào sau đây **đúng**?

- A. Tỷ trọng nông, lâm, nghiệp thủy sản lớn nhất.
B. Tỷ trọng công nghiệp và xây dựng nhỏ nhất.
C. Tỷ trọng nông, lâm nghiệp, thủy sản nhỏ nhất.
D. Tỷ trọng công nghiệp và xây dựng lớn nhất.

Câu 9. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, theo biểu đồ cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của vùng đồng bằng sông Hồng, hãy cho biết nhận định nào sau không đúng?

- A. Nông lâm thủy sản chiếm tỷ trọng cao nhất.
B. Nông lâm thủy sản chiếm tỷ trọng thấp nhất.
C. Công nghiệp và xây dựng chiếm tỷ trọng khá cao.
D. Dịch vụ chiếm tỷ trọng cao nhất.

Câu 10. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, nhận định nào sau đây **không đúng** khi nói về thế mạnh kinh tế của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Khai thác khoáng sản.
B. Phát triển thủy điện.
C. Trồng và chế biến cây công nghiệp và cây dược liệu.
D. Chăn nuôi gia cầm.

XVI. Atlas Địa lí trang 27 (Bắc Trung Bộ)

Câu 1. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, hãy cho biết trung tâm công nghiệp nào của vùng Bắc Trung Bộ có giá trị sản xuất (theo giá thực tế năm 2007) dưới 9 nghìn tỉ đồng?

- A. Bim Sơn, Thanh Hóa, Vinh, Huế.
- B. Bim Sơn, Thanh Hóa, Vinh, Vũng Áng.
- C. Chân Mây – Lăng Cô, Hòn La, Vũng Áng, Cửa Lò.
- D. Hòn La, Vũng Áng, Cửa Lò, Đông Nam Nghệ An.

Câu 2. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, hãy xác định các tuyến đường bộ theo chiều Đông – Tây của vùng Bắc Trung Bộ?

- A. Quốc lộ 7, 8, 9.
- B. Quốc lộ 7, 14, 15.
- C. Quốc lộ 8, 14, 15.
- D. Quốc lộ 9, 14, 15.

Câu 3. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, hãy cho biết các ngành của trung tâm công nghiệp Huế?

- A. Chế biến nông sản, vật liệu xây dựng, cơ khí.
- B. Chế biến nông sản, đóng tàu, cơ khí.
- C. Chế biến nông sản, chế biến gỗ, cơ khí.
- D. Chế biến nông sản, dệt, may, cơ khí.

Câu 4. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, hãy cho biết mỏ sắt và crôm có ở tỉnh nào của vùng Bắc Trung Bộ?

- A. Thanh Hóa, Nghệ An.
- B. Thanh Hóa, Hà Tĩnh.
- C. Thanh Hóa, Quảng Bình.
- D. Thanh Hóa, Thừa Thiên Huế.

Câu 5. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, hãy cho biết các cửa khẩu nào sau đây thuộc vùng Bắc Trung Bộ?

- A. Na Mèo, Nậm Cắn.
- B. Cầu treo, Cha Lo.
- C. Lao Bảo, A Đớt.
- D. Cầu Treo, Lao Bảo.

Câu 6. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, hãy cho biết cảng biển Cửa Lò và Thuận An thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Thanh Hóa, Thừa Thiên – Huế.
- B. Nghệ An, Quảng Bình.
- C. Hà Tĩnh, Thừa Thiên - Huế.
- D. Nghệ An, Thừa Thiên - Huế.

Câu 7. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, hãy cho biết các quặng titan của vùng Bắc Trung Bộ có ở những tỉnh nào sau đây?

- A. Nghệ An, Hà Tĩnh.
- B. Hà Tĩnh, Quảng Bình.
- C. Thừa Thiên - Huế, Hà Tĩnh.
- D. Thừa Thiên - Huế, Nghệ An.

Câu 8. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, hãy cho biết tuyến đường bộ theo hướng Đông – Tây nào sau đây **không thuộc** vùng Bắc Trung Bộ?

- A. Đường số 6.
- B. Đường số 7.
- C. Đường số 8.
- D. Đường số 9.

Câu 9. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, hãy cho biết nhận định nào sau đây **không đúng** về phân bố cây công nghiệp của vùng Bắc Trung Bộ?

- A. Chè được trồng nhiều ở vùng núi Tây Nghệ An.
- B. Cà phê trồng nhiều ở vùng Tây Nghệ An.
- C. Cao su được trồng ở Quảng Bình.
- D. Dừa trồng nhiều ở Tây Nghệ An.

Câu 10. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, hãy cho biết nhận định nào sau đây là **đúng** với sự phân bố cây công nghiệp vùng Bắc Trung Bộ?

- A. Chè được trồng nhiều ở vùng núi Tây Nghệ An.
- B. Cao su trồng nhiều ở vùng núi Tây Nghệ An.
- C. Hồ tiêu được trồng ở vùng núi Tây Nghệ An.
- D. Dừa trồng nhiều ở vùng núi Tây Nghệ An.

Câu 11. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, hãy cho biết trong các trung tâm công nghiệp sau đây, trung tâm công nghiệp nào có cơ cấu ngành đa dạng nhất ở Bắc Trung Bộ?

- A. Huế.
- B. Bỉm Sơn.
- C. Thanh Hóa.
- D. Vinh

Câu 12. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, trong các cây công nghiệp chuyên môn hóa ở Bắc Trung Bộ **không** có loại cây công nghiệp nào sau đây?

- A. Cao su.
- B. Cà phê.
- C. Chè.
- D. Điều.

Câu 13. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, dọc theo biên giới Việt - Lào ở vùng Bắc Trung Bộ theo hướng từ Nam ra Bắc ta lần lượt gặp các cửa khẩu quốc tế nào?

- A. A Đốt, Lao Bảo, Cha Lo, Cầu Treo, Nậm Cấm, Na Mèo.
- B. Na Mèo, Cầu Treo, A Đốt, Lao Bảo, Cha Lo, Nậm Cấm.
- C. Nậm Cấm, A Đốt, Lao Bảo, Cha Lo, Cầu Treo, Na Mèo.
- D. Na Mèo, Nậm Cấm, Cầu Treo, Cha Lo, Lao Bảo, A Đốt.

Câu 14. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, hãy cho biết trong các trung tâm công nghiệp sau đây, trung tâm công nghiệp nào **không** nằm ở vùng Bắc Trung Bộ?

- A. Huế.
- B. Thanh Hóa.
- C. Vinh.
- D. Nam Định.

Câu 15. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, theo hướng từ Nam ra Bắc ở vùng Bắc Trung Bộ ta lần lượt gặp các trung tâm công nghiệp là

- A. Huế, Vinh, Thanh Hóa, Bỉm Sơn.
- B. Thanh Hóa, Bỉm Sơn, Huế, Vinh.
- C. Bỉm Sơn, Thanh Hóa, Vinh, Huế.
- D. Vinh, Huế, Thanh Hóa, Bỉm Sơn.

XVII. Atlas Địa lí trang 28 (Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ)

Câu 1. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, hãy cho biết tỉnh nào sau đây **không** thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Phú Yên.
- B. Ninh Thuận.
- C. Quảng Nam.
- D. Quảng Trị.

Câu 2. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, hãy cho biết quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa thuộc tỉnh và thành phố nào của nước ta?

- A. Quảng Ngãi và thành phố Đà Nẵng. B. Quảng Nam và thành Phố Đà Nẵng.
C. Phú Yên và thành Phố Đà Nẵng. D. Khánh Hòa và thành phố Đà Nẵng.

Câu 3. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, hãy cho biết các tuyến đường Bắc – Nam chạy qua vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Quốc lộ 1A và đường 14.
B. Quốc lộ 1A và đường sắt Bắc – Nam.
C. Quốc lộ 1A và đường Hồ Chí Minh.
D. Đường sắt Bắc – Nam và đường Hồ Chí Minh.

Câu 4. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, hãy cho biết các cảng nào sau đây ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Quy Nhơn, Nha Trang. B. Đà Nẵng, Vũng Tàu.
C. Dung Quất, Chân Mây. D. Phan Thiết, Chân Mây.

Câu 5. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, hãy cho biết sân bay Phù Cát thuộc tỉnh, thành phố nào của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Đà Nẵng. B. Quảng Ngãi. C. Bình Định. D. Khánh Hòa.

Câu 6. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, hãy cho biết trung tâm công nghiệp nào của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có giá trị sản xuất (theo giá thực tế năm 2007) từ 9 đến 40 nghìn tỉ đồng?

- A. Đà Nẵng và Nha Trang. B. Quảng Ngãi và Quy Nhơn.
C. Quy Nhơn và Khánh Hòa. D. Phan Thiết và Nha Trang.

Câu 7. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, hãy cho biết nhà máy thủy điện Hàm Thuận – Đa Mi nằm trên sông nào?

- A. Sông Đồng Nai. B. Sông La Ngà.
C. Sông Đà Rằng. D. Sông Trà Khúc.

Câu 8. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, hãy cho biết nhận định nào sau đây là **không đúng** về thế mạnh của vùng Tây Nguyên?

- A. Phát triển cây công nghiệp lâu năm.
B. Khai thác thủy năng kết hợp với thủy lợi.
C. Khai thác và chế biến lâm sản.
D. Khai thác và chế biến khoáng sản.

Câu 9. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, hãy cho biết nhận định nào **không đúng** với vị trí địa lí của vùng Tây Nguyên?

- A. Liên kề vùng Đông Nam Bộ.

B. Giáp miền Hạ Lào và Đông Bắc Campuchia.

C. Nằm sát vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.

D. Giáp với Biển Đông.

Câu 10. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, hãy cho biết cao nguyên nào sau đây **không thuộc** vùng Tây Nguyên?

A. Đăk Lăk.

B. Mơ Nông.

C. Lâm Viên.

D. Mộc Châu.

Câu 11. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, dọc theo bờ biển của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ theo hướng từ Bắc vào Nam ta lần lượt gặp các khu kinh tế ven biển nào?

A. Vân Phong, Nam Phú Yên, Nhơn Hội, Dung Quất, Chu Lai.

B. Chu Lai, Dung Quất, Nhơn Hội, Nam Phú Yên, Vân Phong.

C. Dung Quất, Chu Lai, Nhơn Hội, Nam Phú Yên, Vân Phong.

D. Vân Phong, Chu Lai, Dung Quất, Nhơn Hội, Nam Phú Yên.

Câu 12. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, hãy cho biết trong các trung tâm công nghiệp sau đây, trung tâm công nghiệp nào có ít ngành công nghiệp nhất ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

A. Phan Thiết.

B. Nha Trang.

C. Quảng Ngãi.

D. Đà Nẵng.

Câu 13. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, hãy cho biết cửa khẩu quốc tế nào sau đây **không** nằm ở Tây Nguyên?

A. Bờ Y.

B. Nam Giang

C. Lệ Thanh.

D. A Đớt.

Câu 14. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, hãy cho biết trong các trung tâm công nghiệp sau đây, trung tâm công nghiệp nào có cơ cấu ngành công nghiệp đa dạng nhất ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

A. Quảng Ngãi.

B. Đà Nẵng.

C. Quy Nhơn.

D. Nha Trang.

Câu 15. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, hãy cho biết trong cơ cấu ngành công nghiệp ở trung tâm công nghiệp Quy Nhơn **không có** ngành công nghiệp nào sau đây?

A. Cơ khí.

B. Hóa chất, phân bón.

C. Khai thác, chế biến lâm sản.

D. Chế biến nông sản.

XVIII. Atlas Địa lí trang 29 (Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long)

Câu 1. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, hãy cho biết tên các trung tâm công nghiệp có quy mô từ trên 40 đến 120 nghìn tỉ đồng của vùng Đông Nam Bộ?

A. Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Vũng Tàu.

B. Biên Hòa, Thủ Dầu Một, TP.Hồ Chí Minh.

C. TP. Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, Biên Hòa.

D. Thủ Dầu Một, TP Hồ Chí Minh, Vũng Tàu.

Câu 2. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, hãy cho biết tên các trung tâm công nghiệp có quy mô từ 9 đến 40 nghìn tỉ đồng của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- A. Cần Thơ, Long Xuyên. B. Cà Mau, Sóc Trăng.
C. Cà Mau, Rạch Giá. D. Cần Thơ, Cà Mau.

Câu 3. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, hãy cho biết tên các khu kinh tế ven biển của vùng đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Định An, Bạc Liêu. B. Định An, Năm Căn.
C. Năm Căn, Rạch Giá. D. Định An, Kiên Lương.

Câu 4. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, hãy cho biết tên khu kinh tế cửa khẩu nào sau đây **không thuộc** vùng Đông Nam Bộ?

- A. Hoa Lư. B. Xa Mát. C. Đồng Tháp. D. Mộc Bài.

Câu 5. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, hãy cho biết tên khu kinh tế cửa khẩu nào sau đây **không thuộc** vùng đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Mộc Bài. B. Đồng Tháp. C. An Giang. D. Hà Tiên.

Câu 6. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, hãy cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây **không thuộc** vùng đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Rạch Giá. B. Cần Thơ. C. Cà Mau. D. Vũng Tàu.

Câu 7. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, hãy cho biết trung tâm công nghiệp nào có qui mô trên 120 nghìn tỉ đồng của vùng Đông Nam Bộ?

- A. Biên Hòa. B. Thủ Dầu Một. C. TP.Hồ Chí Minh. D. Vũng Tàu.

Câu 8. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, biểu đồ cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của vùng Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long cho biết nhận xét nào sau đây là **đúng**?

- A. Tỷ trọng dịch vụ của Đông Nam Bộ lớn hơn đồng bằng sông Cửu Long.
B. Tỷ trọng công nghiệp và xây dựng của Đông Nam Bộ lớn hơn đồng bằng sông Cửu Long.
C. Đồng bằng sông Cửu Long có tỷ trọng nông, lâm, thủy sản nhỏ hơn Đông Nam Bộ.
D. Đông Nam Bộ có tỷ trọng công nghiệp và xây dựng nhỏ hơn đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 9. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết tuyến đường ô tô nào nối liền vùng Đông Nam Bộ với Tây Nguyên?

- A. Quốc lộ 14 và 20. B. Quốc lộ 13 và 14.
C. Quốc lộ 1 và 14. D. Quốc lộ 1 và 13.

Câu 10. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, nhận xét nào sau đây **chính xác** về qui mô các trung tâm công nghiệp của Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Các trung tâm công nghiệp của Đông Nam Bộ đều có qui mô trên 120 nghìn tỉ đồng.

B. Các trung tâm công nghiệp của đồng bằng sông Cửu Long đều có qui mô lớn hơn 120 nghìn tỉ đồng.

C. Qui mô các trung tâm công nghiệp của đồng bằng sông Cửu Long lớn hơn các trung tâm công nghiệp của Đông Nam Bộ.

D. Các trung tâm công nghiệp của Đông Nam bộ có qui mô lớn hơn các trung tâm công nghiệp của đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 11. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, hãy cho biết trong các trung tâm công nghiệp sau đây, trung tâm công nghiệp nào có cơ cấu ngành công nghiệp đa dạng nhất ở Đông Nam Bộ?

A. Biên Hòa.

B. Thủ Dầu Một.

C. TP. Hồ Chí Minh.

D. Vũng Tàu.

Câu 12. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, hãy cho biết trong các trung tâm công nghiệp sau đây, trung tâm công nghiệp nào **không** nằm ở vùng Đông Nam Bộ?

A. Thủ Dầu Một.

B. Vũng Tàu.

C. Biên Hòa.

D. Tân An.

Câu 13. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, hãy cho biết Đông Nam Bộ **không có** cửa khẩu quốc tế nào sau đây?

A. Bờ Y.

B. Xa Mát.

C. Mộc Bài.

D. Hoa Lư.

Câu 14. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, hãy cho biết trong cơ cấu ngành công nghiệp của trung tâm công nghiệp Cần Thơ **không có** ngành công nghiệp nào sau đây?

A. Vật liệu xây dựng.

B. Cơ khí.

C. Đóng tàu.

D. Hóa chất.

Câu 15. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cây công nghiệp chuyên môn hóa hàng đầu ở Đông Nam Bộ là

A. cao su.

B. Cà phê.

C. hồ tiêu.

D. điều.

XIX. Atlas Địa lí trang 30 (Các vùng kinh tế trọng điểm)

Câu 1. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, hãy cho biết tỉnh (thành phố) nào sau đây **không thuộc** vùng kinh tế trọng điểm Miền Trung?

A. Đà Nẵng.

B. Quảng Nam.

C. Phú Yên.

D. Bình Định.

Câu 2. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, hãy cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây **không thuộc** vùng kinh tế trọng điểm phía Nam?

A. Biên Hòa.

B. Thủ Dầu Một.

C. Vũng Tàu

D. Cần Thơ.

Câu 3. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, hãy cho biết tên các trung tâm công nghiệp nào có quy mô từ trên 40 đến 120 nghìn tỉ đồng của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam?

A. Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Vũng Tàu.

B. TP. Hồ Chí Minh, Thủ Dầu Một, Vũng Tàu.

C. Thủ Dầu Một, Vũng Tàu, Tân An.

D. Thủ Dầu Một, TP. Hồ Chí Minh, Biên Hòa.

Câu 4. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, hãy cho biết cảng biển nào sau đây **không thuộc** vùng kinh tế trọng điểm Miền Trung ?

- A. Thuận An, Chân Mây, Kỳ Hà. B. Hải Phòng, Tiên Sa, Kỳ Hà.
C. Chân Mây, Kỳ Hà, Quy Nhơn. D. Quy Nhơn, Chân Mây, Thuận An.

Câu 5. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, hãy cho biết ngành công nghiệp nào sau đây **không thuộc** trung tâm công nghiệp Hải Phòng?

- A. Cơ khí. B. Đóng tàu. C. Sản xuất ô tô. D. Dệt may.

Câu 6. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, hãy cho biết nhà máy nhiệt điện Uông Bí thuộc tỉnh (thành phố) nào sau đây?

- A. Bắc Ninh. B. Hải Phòng. C. Hải Dương. D. Quảng Ninh.

Câu 7. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, hãy cho biết tỉnh(thành phố) nào sau đây có GDP bình quân đầu người dưới 6 triệu đồng/người của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam?

- A. Tây Ninh. B. Bình Phước. C. Đồng Nai. D. Tiền Giang.

Câu 8. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, biểu đồ GDP của các vùng kinh tế trọng điểm so với cả nước năm 2005-2007. Hãy cho biết nhận xét nào sau đây chính xác?

- A. Tỷ trọng GDP vùng kinh tế trọng điểm miền Trung giảm.
B. Vùng kinh tế trọng điểm Miền Trung có tỉ trọng GDP thấp nhất.
C. Tỷ trọng GDP vùng kinh tế trọng điểm phía Nam tăng.
D. Vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc có tỉ trọng lớn nhất.

Câu 9. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, biểu đồ GDP của vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc và phía Nam phân theo khu vực kinh tế được xếp theo thứ tự về tỉ trọng từ cao xuống thấp là

- A. dịch vụ, công nghiệp và xây dựng, nông lâm thủy sản.
B. nông lâm thủy sản, công nghiệp và xây dựng, dịch vụ.
C. dịch vụ, Nông lâm thủy sản, công nghiệp và xây dựng.
D. công nghiệp và xây dựng, dịch vụ, nông lâm thủy sản.

Câu 10. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, biểu đồ GDP phân theo khu vực kinh tế của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Hãy cho biết nhận xét nào chính xác nhất ?

- A. Cả hai vùng đều có tỉ trọng GDP ngành công nghiệp và xây dựng cao nhất.
B. Tổng số GDP phân theo khu vực kinh tế của hai vùng bằng nhau.
C. Tỷ trọng GDP nông lâm thủy sản của hai vùng thấp nhất.
D. Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung có tổng GDP lớn hơn vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Câu 11. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, hãy cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có quy mô giá trị sản xuất công nghiệp lớn nhất ở vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc?

- A. Bắc Ninh B. Hà Nội C. Hải Dương. D. Hải Phòng.

Câu 12. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, hãy cho biết năm 2007 vùng kinh tế trọng điểm nào có ngành công nghiệp – xây dựng chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu GDP của vùng phân theo ngành?

- A. Ngoài 3 vùng kinh tế trọng điểm. B. Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.
C. Vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc. D. Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

Câu 13. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, hãy cho biết trong các khu kinh tế ven biển sau đây, khu kinh tế ven biển nào **không** nằm ở vùng kinh tế trọng điểm miền Trung?

- A. Dung Quất. B. Chu Lai. C. Chân Mây – Lăng Cô. D. Vân Đồn.

Câu 14. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, hãy cho biết năm 2007 vùng kinh tế trọng điểm nào sau đây có GDP bình quân đầu người cao nhất?

- A. Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. B. Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.
C. Vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc. D. Cả nước.

Câu 15. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, hãy cho biết trong các trung tâm công nghiệp sau đây, trung tâm công nghiệp nào nằm ở vùng kinh tế trọng điểm miền Trung?

- A. Hải Dương. B. Biên Hòa. C. Quảng Ngãi. D. Hà Nội.

ĐÁP ÁN

Trang 4 – 5

1. B	2. A	3. B	4. D	5. B	6. C	7. B	8. C	9. D	10. B
11. B	12. C	13. A	14. B	15. A	16. D	17. A	18. A	19. B	20. A
21. D	22. B	23. B	24. A	25. D	26. C	27. B	28. A	29. C	30. B

Trang 9

1. A	2. A	3. A	4. A	5. B	6. D	7. C	8. B	9. C	10. C
11. B	12. A	13. B	14. A	15. D	16. A	17. A	18. A	19. C	20. B

Trang 10

1. D	2. D	3. B	4. C	5. A	6. D	7. B	8. B	9. A	10. A
------	------	------	------	------	------	------	------	------	-------

Trang 13 – 14

1. A	2. B	3. B	4. A	5. A	6. A	7. C	8. C	9. D	10. A
------	------	------	------	------	------	------	------	------	-------

Trang 15

1. B	2. C	3. D	4. B	5. B	6. C	7. A	8. A	9. B	10. B
11. D	12. D	13. B	14. B	15. B					

Trang 17

1. B	2. A	3. D	4. C	5. B	6. C	7. C	8. A	9. B	10. A
11. A	12. C	13. B	14. B	15. D					

Trang 18

1. A	2. B	3. C	4. D	5. B	6. B	7. A	8. D	9. A	10. A
11. D	12. A	13. B	14. A	15. B	16. A	17. D	18. C	19. A	20. D

Trang 19

1. B	2. A	3. A	4. C	5. B	6. C	7. C	8. A	9. C	10. D
------	------	------	------	------	------	------	------	------	-------

Trang 20

1. D	2. A	3. B	4. D	5. A	6. B	7. D	8. D	9. C	10. B
------	------	------	------	------	------	------	------	------	-------

Trang 21

1. A	2. B	3. A	4. D	5. B	6. A	7. C	8. D	9. D	10. B
------	------	------	------	------	------	------	------	------	-------

Trang 22

1. A	2. B	3. B	4. D	5. A	6. B	7. C	8. D	9. A	10. B
------	------	------	------	------	------	------	------	------	-------

Trang 23

1. A	2. B	3. C	4. D	5. A	6. B	7. C	8. D	9. A	10. B
------	------	------	------	------	------	------	------	------	-------

Trang 24

1. A	2. B	3. C	4. D	5. A	6. B	7. C	8. D	9. A	10. B
11. B	12. D	13. C	14. C	15. B					

Trang 25

1. A	2. B	3. C	4. D	5. A	6. B	7. C	8. D	9. A	10. B
11. B	12. C	13. D	14. C	15. D					

Trang 26

1. A	2. B	3. B	4. A	5. A	6. A	7. C	8. B	9. A	10. D
------	------	------	------	------	------	------	------	------	-------

Trang 27

1. A	2. A	3. D	4. B	5. A	6. D	7. C	8. A	9. D	10. A
11. B	12. D	13. A	14. A	15. D					

Trang 28

1. D	2. D	3. B	4. A	5. C	6. A	7. B	8. D	9. D	10. D
11. B	12. A	13. D	14. B	15. B					

Trang 29

1. A	2. D	3. B	4. C	5. A	6. D	7. C	8. B	9. A	10. D
11. C	12. D	13. A	14. C	15. A					

Trang 30

1. C	2. D	3. A	4. B	5. C	6. D	7. A	8. B	9. D	10. C
11. B	12. B	13. D	14. B	15. C					